

Số: 50/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT

Vĩnh Long, ngày 13 tháng 03 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định tổ chức thi và cấp chứng nhận tiếng Anh tương đương cấp độ A1, A2, B1 và B2

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH LONG

Căn cứ Quyết định số 1785/QĐ-LĐTĐ ngày 21/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long;

Căn cứ Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/02/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 729/QĐ-BGDĐT ngày 11/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc định dạng đề thi đánh giá năng lực sử dụng tiếng Anh từ bậc 3 đến bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1481/QĐ-BGDĐT ngày 10/5/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành định dạng đề thi đánh giá năng lực sử dụng tiếng Anh bậc 2 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (dành cho người lớn);

Căn cứ Quyết định số 2658/QĐ-BGDĐT ngày 23/7/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Kế hoạch triển khai Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025;

Căn cứ Công văn số 259/BGDĐT-ĐANN ngày 18/01/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đề xuất Kế hoạch triển khai Đề án NNQG năm 2024 tại đơn vị;

Xét đề nghị của Hội đồng Khoa học và Trường phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy định tổ chức thi và cấp chứng nhận tiếng Anh tương đương cấp độ A1, A2, B1 và B2 của trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực bắt đầu từ ngày ký.

Điều 3. Ông (Bà) trưởng các Phòng, Khoa, Trung tâm liên quan và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: PĐT.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Lao Hùng Phi

QUY ĐỊNH

Tổ chức thi và cấp chứng nhận tiếng Anh tương đương cấp độ A1, A2, B1 và B2
(kèm theo Quyết định số 50/QĐ-ĐHSPKT-ĐT, ngày 13 tháng 03 năm 2023)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định chung về tổ chức thi và cấp chứng nhận tiếng Anh tương đương cấp độ A1, A2, B1 và B2 bao gồm: hình thức và phương thức tổ chức đào tạo; lập kế hoạch và tổ chức thi; đánh giá kết quả và cấp chứng nhận tương đương cho thí sinh đạt trình độ.

Điều 2. Cấu trúc đề thi

1. Cấu trúc chung

Kỹ năng thi	Mục đích	Thời gian	Số câu hỏi/nhiệm vụ bài thi	Dạng câu hỏi/nhiệm vụ bài thi
Nghe	Kiểm tra các tiêu kỹ năng Nghe khác nhau, có độ khó từ bậc 1 đến bậc 4: nghe thông tin chi tiết, nghe hiểu thông tin chính, nghe hiểu ý kiến, mục đích của người nói và suy ra từ thông tin trong bài.	40 phút (bao gồm thời gian kiểm tra đáp án)	4 phần, bao gồm 25 câu hỏi nhiều lựa chọn	Thí sinh nghe các đoạn thông báo ngắn, các đoạn hội thoại và các bài nói chuyện, sau đó trả lời câu hỏi nhiều lựa chọn. Đối với mỗi phần nghe, thí sinh sẽ được nghe 2 lần.
Đọc	Kiểm tra các tiêu kỹ năng Đọc khác nhau, có độ khó từ bậc 1 đến bậc 4: đọc hiểu thông tin chi tiết, đọc hiểu ý chính, đọc hiểu ý kiến, thái độ của tác giả, suy ra từ thông tin trong bài và đoán nghĩa của từ trong văn cảnh.	45 phút	5 phần, bao gồm 30 câu hỏi nhiều lựa chọn	Thí sinh đọc các dạng văn bản về các vấn đề khác nhau, độ khó của văn bản tương đương bậc 1 đến bậc 4 với tổng số từ dao động từ 700-800 từ. Thí sinh lựa chọn câu trả lời đúng trong số các lựa chọn cho trước.

Kỹ năng thi	Mục đích	Thời gian	Số câu hỏi/nhiệm vụ bài thi	Dạng câu hỏi/nhiệm vụ bài thi
Viết	Kiểm tra kỹ năng viết tương tác và viết đoạn văn	45 phút	2 bài viết	Phần 1: Thí sinh viết một bức thư/ bưu thiếp tối thiểu 60 từ liên quan đến cuộc sống hàng ngày theo những yêu cầu cho sẵn. Phần 2: Thí sinh viết một đoạn văn tối thiểu 120 từ về một chủ đề cho sẵn, sử dụng lí do và ví dụ cụ thể để minh họa cho các lập luận.
Nói	Kiểm tra các kỹ năng Nói khác nhau: giao tiếp xã hội, trao đổi thông tin, nêu ý kiến, giải thích ý kiến, gợi ý và trả lời gợi ý, miêu tả, so sánh, thảo luận và trình bày một vấn đề.	12 phút (bao gồm 2 phút chuẩn bị)	4 phần	Phần 1: <i>Chào hỏi</i> Phần 2: <i>Tương tác xã hội</i> Thí sinh trả lời 3-5 câu hỏi về 2 chủ đề khác nhau. Phần 3: <i>Miêu tả</i> Thí sinh miêu tả người, đồ vật, hoặc môi trường sống, làm việc và học tập cụ thể. Phần 4: <i>Thảo luận</i> Thí sinh trình bày ý kiến cá nhân về các vấn đề liên quan đến chủ đề ở Phần 3.

2. Định dạng chi tiết đề thi

2.1 Kỹ năng Nghe

Phần thi	Số câu hỏi/ nhiệm vụ bài thi	Dạng câu hỏi/nhiệm vụ bài thi
Part 1	7 câu/ Câu hỏi nhiều lựa chọn	Xác định thông tin cụ thể trong 7 đoạn độc thoại hoặc đối thoại ngắn, sau đó chọn hình ảnh trả lời chính xác câu hỏi.
Part 2	6 câu/ Câu hỏi nhiều lựa chọn	Nghe 6 đoạn hội thoại ngắn, hiểu ý chính của mỗi đoạn văn, sau đó chọn đáp án đúng cho câu hỏi.
Part 3	6 câu/ Câu hỏi nhiều lựa chọn	Nghe một đoạn độc thoại để hiểu thông tin cụ thể, ý chi tiết, sau đó chọn đáp án đúng cho câu hỏi.
Part 4	6 câu/ Câu hỏi nhiều lựa chọn	Nghe một cuộc phỏng vấn để hiểu chi tiết ý nghĩa và xác định thái độ và quan điểm, sau đó chọn đáp án đúng cho câu hỏi.

2.2 Kỹ năng Đọc

Phần thi	Dạng bài	Yêu cầu đề bài
Part 1	Câu hỏi nhiều lựa chọn, gồm 5 câu	Đọc hiểu ý chính, thông tin chi tiết của 5 thông báo, tin nhắn và các văn bản ngắn trong thực tế, sau đó chọn đáp án đúng cho câu hỏi.
Part 2	Câu hỏi nhiều lựa chọn, gồm 5 câu	Đọc hiểu thông tin cụ thể, ý chi tiết từ 5 đoạn mô tả hoặc cung cấp thông tin về một cá nhân, sau đó lựa chọn đáp án phù hợp với mô tả hoặc thông tin của cá nhân đó.
Part 3	Câu hỏi nhiều lựa chọn, gồm 5 câu	Đọc hiểu 1 đoạn văn dài để nắm thông tin chi tiết, ý chính, suy luận, ý nghĩa của bài cũng như thái độ và quan điểm của người viết, sau đó chọn đáp án đúng cho câu hỏi.
Part 4	Câu hỏi nhiều lựa chọn, gồm 5 câu	Đọc 1 đoạn văn dài hơn với 5 câu bị lược bỏ đi, thí sinh chọn đáp án phù hợp để điền vào chỗ trống. Thể hiện khả năng hiểu và cách tạo 1 văn bản có cấu trúc tốt và mạch lạc...
Part 5	Chọn từ đúng điền vào chỗ trống, gồm 10 câu	Đọc 2 đoạn văn ngắn và thí sinh cần chọn đáp án đúng để điền vào chỗ trống

2.3 Kỹ năng Viết

Phần thi	Dạng bài	Yêu cầu đề bài
Part 1	Email/note/postcard	Viết bức thư/ bưu thiếp có độ dài tối thiểu 60 từ.
Part 2	Đoạn văn	Viết đoạn văn về một hoạt động, sở thích, con người, sự kiện, đồ vật... có độ dài tối thiểu 120 từ.

2.4 Kỹ năng Nói

Phần thi	Dạng bài	Yêu cầu đề bài
Part 1	Chào hỏi	Trả lời các câu hỏi, đưa ra các thông tin cá nhân.
Part 2	Giao tiếp xã hội	Thảo luận về những chủ đề quen thuộc như sở thích, trải nghiệm, quan điểm, thói quen...
Part 3	Miêu tả	Mô tả về một hoạt động, sở thích, người, sự kiện, đồ vật, ...
Part 4	Thảo luận	Thảo luận sâu hơn về chủ đề đã trình bày ở phần 3.

Điều 3. Cách tính điểm

- Mỗi kỹ năng thi: Nghe, Đọc, Viết và Nói được đánh giá trên thang điểm từ 0 đến 10, làm tròn đến 0,5 điểm.

- Điểm trung bình của 4 kỹ năng, làm tròn đến 0,5 điểm, được sử dụng để xác định bậc năng lực sử dụng tiếng Anh .

Điều 4. Bảng quy đổi điểm thi sang các bậc năng lực tương đương

Công nhận các trình độ tương đương thang điểm (*thang điểm 10 mỗi kỹ năng*), điểm trung bình của 4 kỹ năng được quy đổi như sau (*không có kỹ năng nào dưới 3.0 điểm*):

Bậc năng lực tương đương	Điểm	Mô tả tổng quát
Không xét	< 3.0	Không xét cấp chứng nhận
A1	3.0 – 4.5	Thí sinh có khả năng hiểu nhưng thường chưa đầy đủ các chi tiết trong các văn bản ngắn và đơn giản ở dạng nói và dạng viết thường xuyên được sử dụng trong các tình huống quen thuộc. Thí sinh có thể thực hiện được các chức năng giao tiếp xã hội căn bản như giới thiệu bản thân, cảm ơn, xin lỗi nhưng ngôn ngữ sử dụng còn hạn chế. Thí sinh cũng có thể viết những cụm từ, câu tách biệt, ngắn về bản thân, nơi sống và công việc và có thể viết được bưu thiếp, thư ở mức rất ngắn gọn, đơn giản; sử dụng được một số từ vựng cơ bản gồm các từ, cụm từ biệt lập thuộc các tình huống cụ thể cũng như sử dụng được một cách hạn chế một số cấu trúc ngữ pháp, mẫu câu, phương tiện liên kết,...Tuy nhiên, vẫn mắc nhiều lỗi sử dụng từ và cấu trúc cơ bản.
A2	5.0 – 6.5	Thí sinh có thể định vị và hiểu được chi tiết cơ bản, dễ đoán trong các diễn đạt và các văn bản ngắn và đơn giản ở dạng nói và dạng viết thường xuyên được sử dụng trong các tình huống quen thuộc (ví dụ như các thông tin về cá nhân, gia đình, mua sắm, công việc); có thể thực hiện được các chức năng giao tiếp thông thường như chào hỏi, giới thiệu bản thân, đề nghị, mời mọc, cảm ơn cũng như mô tả và trao đổi được về những chủ điểm quen thuộc trong các tình huống đơn giản trong đời sống hàng ngày. Thí sinh cũng có thể viết một cách ngắn gọn và đơn giản về các chủ điểm gần gũi hàng ngày và sử dụng các cụm từ, các câu đơn và các công cụ liên kết câu cơ bản.

Bậc năng lực tương đương	Điểm	Mô tả tổng quát
B1	7.0 – 8.5	Thí sinh có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực về câu từ, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc hay gặp trong công việc, học tập, giải trí, v.v... Có thể xử lí hầu hết các tình huống xảy ra lúc đi lại tại khu vực có sử dụng tiếng Anh. Có thể viết văn bản đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. Có thể mô tả được những trải nghiệm, sự kiện, mơ ước, hi vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lí do, giải thích cho ý kiến và kế hoạch của mình.
B2	9.0 – 10	Có thể hiểu ý chính của một văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, kể cả những trao đổi kĩ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn của bản thân. Có thể giao tiếp ở mức độ trôi chảy, tự nhiên đạt đến mức các giao tiếp thường xuyên này với người bản ngữ không gây khó khăn cho cả hai bên. Có thể viết được các văn bản rõ ràng, chi tiết về nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề có tính thời sự, nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Quy định này được áp dụng cho các Kỳ thi được tổ chức từ tháng 3 năm 2023 của Trường ĐHSPTVL.

2. Từ nay đến ngày 31/8/2023 trường ĐHSPTVL sẽ tổ chức song song 02 hình thức thi giữa quy định này và Quy định số 123/QĐ-ĐHSPTVL-ĐT ngày 19/7/2021. Thí sinh có thể chọn 01 trong 02 hình thức để đăng ký dự thi.

3. Từ ngày 01/9/2023 trở đi trường ĐHSPTVL chỉ tổ chức duy nhất hình thức thi theo quy định này.

4. Chế độ báo cáo, lưu trữ, công khai thông tin được trường ĐHSPTVL thực hiện theo quy định.

5. Những nội dung không nêu trong quy định này, tùy vào trường hợp cụ thể sẽ do Hiệu trưởng quyết định.

6. Định kỳ trường tổ chức rà soát, đánh giá quá trình thực hiện, bổ sung và điều chỉnh các quy định trong văn bản này cho phù hợp với điều kiện thực tế và lộ trình triển khai đào tạo theo học chế tín chỉ tại trường ĐHSPTVL./.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. *Lao Hùng Phi*